

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ XÂY DỰNG

Số: /SXD-QLXD

V/v hướng dẫn cung cấp hồ sơ, thông tin đăng ký phục vụ công tác công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Các đơn vị khai thác, sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thực hiện Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện xác định và công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Theo đó, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và đơn vị liên quan nghiên cứu phương thức xác định giá, công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Để có cơ sở thực hiện công tác công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, Sở Xây dựng đề nghị các đơn vị có nhu cầu công bố giá vật liệu xây dựng gửi hồ sơ đề nghị Công bố giá vật liệu xây dựng về Sở Xây dựng theo hướng dẫn như sau:

1. Đối với các đơn vị công bố lần đầu:

- Công văn gửi Sở Xây dựng Quảng Trị đề nghị được Công bố giá vật liệu xây dựng (*theo Phụ lục I đính kèm văn bản này*).

- Bảng giá của sản phẩm bao gồm các thông tin: ghi rõ tên, mã, chủng loại, quy cách, kích thước, thông số kỹ thuật của sản phẩm; giá bán của tháng trước, giá bán tại thời điểm hiện tại;... (*theo Phụ lục II đính kèm văn bản này*).

- Thuyết minh đơn giá bán vật liệu (kèm theo hồ sơ đề xuất xác định giá bán) của doanh nghiệp sản xuất hoặc doanh nghiệp kinh doanh vật liệu xây dựng (*theo Phụ lục III đính kèm văn bản này*).

- Chứng thực Giấy phép đăng ký kinh doanh.

- Chứng thực Giấy chứng nhận hợp quy (kèm theo danh mục, kiểu loại sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng được chứng nhận), Giấy công bố hợp quy, Thông báo tiếp nhận hồ sơ Công bố hợp quy còn hiệu lực áp dụng cho các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng bắt buộc phải công bố hợp quy được quy định tại Bảng 1 Phần 2 QCVN 16:2019/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

- Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm, kèm theo hồ sơ kiểm định chất lượng của cấp có thẩm quyền cấp đối với các sản phẩm không thuộc danh mục theo quy định tại Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng).

- Bản sao có công chứng Giấy phép khai thác khoáng sản, Hợp đồng thuê đất: Đối với các sản phẩm vật liệu xây dựng được khai thác, chế biến từ khoáng sản thiên nhiên như: Cát, đá, đất, đá...

- Danh sách, địa chỉ các cơ sở cung ứng, các đại lý phân phối hiện nay tại tỉnh Quảng Trị liên quan đến sản phẩm đơn vị đề nghị công bố giá (nếu có).

- Danh sách một số công trình đã và đang sử dụng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (kèm theo bản sao hợp đồng cung ứng, hóa đơn bán sản phẩm tại thời điểm gần nhất) (nếu có).

- Các tài liệu khác có liên quan như catalogue sản phẩm,...

2. Đối với các đơn vị đã được Sở Xây dựng đăng công bố:

- Công văn gửi Sở Xây dựng đề nghị được công bố giá vật liệu xây dựng theo biểu mẫu kèm theo công văn này, trong đó nêu rõ hiệu lực thực hiện của Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cấp có thẩm quyền cấp và Giấy chứng nhận hợp quy (nếu có) được cấp.

- Trong trường hợp các nội dung trong hồ sơ của đơn vị không có thay đổi so với quy định tại Mục 1 công văn này thì không cần nộp lại hồ sơ. Tuy nhiên, đề nghị đơn vị gửi công văn xác nhận không có sự thay đổi về giá.

- Trường hợp có thay đổi các nội dung so với quy định tại Mục 1 công văn này thì đơn vị nộp bổ sung hồ sơ nêu rõ nội dung thay đổi là mới nhất.

- Trường hợp các loại vật liệu công bố có thay đổi giá (so với giá công bố tháng trước), đơn vị cần thuyết minh rõ nguyên nhân thay đổi và gửi bổ sung hồ sơ, tài liệu chứng minh về giá đã bán lẻ làm cơ sở xem xét đưa vào công bố giá.

- Trường hợp đơn vị bổ sung công bố giá các sản phẩm mới, hồ sơ thực hiện như Mục I công văn này.

3. Nguyên tắc công bố giá vật liệu xây dựng:

Sở Xây dựng chỉ xem xét đưa vào Công bố giá vật liệu xây dựng đối với các đơn vị có nhu cầu đăng công bố giá gửi hồ sơ đầy đủ, đúng hạn theo yêu cầu tại Mục 1 và Mục 2 văn bản này theo nguyên tắc sau:

- Vật liệu xây dựng, sản phẩm được sử dụng phổ biến trong các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Các loại vật liệu không được sử dụng phổ biến, Sở Xây dựng sẽ xem xét việc đưa hoặc không đưa vào công bố giá.

- Vật liệu xây dựng, sản phẩm có trong hệ thống định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Có giá phù hợp với giá bán trên địa bàn tại thời điểm công bố.

- Các loại vật liệu, sản phẩm có giá cao hơn so với mặt bằng giá sản phẩm cùng loại (kích thước, tiêu chuẩn, công dụng,... tương đương), không có thuyết minh lý do phù hợp, Sở Xây dựng sẽ không xem xét đăng công bố giá.

- Các công văn, tài liệu do đơn vị ban hành phải được người đại diện theo pháp luật (hoặc người được ủy quyền) của doanh nghiệp ký và đóng dấu theo quy định. Việc chứng thực bản sao từ bản chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

4. Thời gian, địa chỉ nhận hồ sơ:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ công bố giá: Hàng tháng từ ngày 01 đến ngày 25 của mỗi tháng; hồ sơ nhận sau ngày 25 sẽ không được công bố giá tháng như đề nghị và sẽ được Sở Xây dựng đưa vào tháng tiếp theo.

- Địa điểm nhận hồ sơ công bố giá: Sở Xây dựng Quảng Trị (địa chỉ: số 59, đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị).

Khi giá vật liệu không có sự thay đổi thì định kỳ 03 tháng đơn vị gửi văn bản thông báo để Sở Xây dựng cập nhật thông tin. Nếu trong 03 tháng không có văn bản thông báo của đơn vị thì Sở Xây dựng sẽ xem xét gỡ thông báo giá vật liệu khỏi Công bố giá hàng tháng để đảm bảo sự phù hợp với biến động giá thị trường.

Sở Xây dựng thông báo để các đơn vị có nhu cầu đăng công bố giá vật liệu xây dựng tổ chức thực hiện và gửi hồ sơ theo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị liên hệ với Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị (Phòng Quản lý xây dựng, số điện thoại: 0233.3851592) để được hướng dẫn theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- GD, PGD Sở;
- Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, QLXD, HTKT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Văn Thắng

**Tên cơ quan đề nghị
công bố giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị công bố giá sản phẩm,
hàng hóa ... định kỳ tại Sở Xây
dựng

Kính gửi: - Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Công ty đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa..... định kỳ tại Sở Xây dựng, với các nội dung sau:

1. Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của đơn vị (bản chính) theo các bảng biểu tại Mẫu số 01.

2. Thông tin khác:

- Địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp đề nghị công bố giá: ...

- Địa điểm đặt nhà máy sản xuất sản phẩm vật liệu đề nghị công bố: ...

- Thông tin liên lạc của lãnh đạo Công ty và cán bộ phụ trách đăng ký công bố giá (họ và tên, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, số fax): ...

3. Danh sách các đại lý phân phối sản phẩm, hàng hóa có đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư (nếu có).

4. Danh sách một số công trình đã và đang sử dụng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (kèm theo bản sao hợp đồng cung ứng, hóa đơn bán sản phẩm tại thời điểm gần nhất) (nếu có).

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /..... đến ngày ... / ... /.....

Công ty..... cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định; cam kết về việc bán các sản phẩm theo đúng mức giá đề nghị công bố.

Công ty..... xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Tài liệu kèm theo:

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng của đơn vị đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu đề nghị công bố.

3. Nhãn hàng hóa theo quy định.

4. Tài liệu thể hiện việc duy trì kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do đơn vị sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (Ví dụ: Phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định hoặc công nhận).

5. Đối với VLXD thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, còn phải có các tài liệu sau:

- Chứng nhận hợp quy của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định.

- Bản công bố hợp quy của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu.

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành nơi đơn vị sản xuất, nhập khẩu đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Dấu hợp quy được sử dụng trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên bao gói hoặc trên nhãn gắn trên sản phẩm hoặc trong chứng chỉ chất lượng, tài liệu kỹ thuật của sản phẩm theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

Ghi chú:

- Đối với đăng ký lần đầu: thông tin và hồ sơ kèm theo phải đầy đủ theo mẫu;

- Đối với lần đăng ký trong các tháng tiếp theo hoặc có sự thay đổi một trong các thông tin, giấy tờ pháp lý nêu trên: chỉ gửi văn bản kèm theo bảng tổng hợp giá đề nghị công bố và các loại giấy tờ pháp lý thay đổi tương ứng.

Tên đơn vị thực hiện
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 202...

BẢN ĐĂNG KÝ MỨC GIÁ BÁN CỤ THỂ

(Kèm theo công văn số:.....ngày tháng năm của Công ty.....)

Doanh nghiệp là đơn vị (sản xuất hay dịch vụ)

Đăng ký giá (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ)..... cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, sản phẩm	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá đăng ký hiện hành	Mức giá đăng ký mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm

Trong đó, nội dung thông tin về giá phải nêu cụ thể là giá chưa có thuế giá trị gia tăng; giá đến chân công trình trên địa bàn tỉnh hoặc giá đến chân công trình trên địa bàn trung tâm các huyện, thị xã, thành phố ... cụ thể hoặc giá tại địa điểm cơ sở sản xuất/kinh doanh/khai thác/điểm tập kết; thông tin giá đã có hay chưa có các chi phí về bốc xếp, vận chuyển; tăng cộng hoặc giảm trừ đối với cấu kiện có thay đổi một số chi tiết vật liệu thành phần, phụ gia (ví dụ đối với các loại cửa, bê tông thương phẩm, ...); thông tin về phí và chiết khấu (nếu có).

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày .../.../...

Tên đơn vị
thực hiện đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp				
1.3	Chi phí sản xuất chung:				
a	<i>Chi phí nhân viên phân xưởng</i>				
b	<i>Chi phí vật liệu</i>				
c	<i>Chi phí dụng cụ sản xuất</i>				
d	<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>				
đ	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>				
e	<i>Chi phí bằng tiền khác</i>				
	Tổng chi phí sản xuất :				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
4	Chi phí tài chính				
	Tổng giá thành toàn bộ				
5	Lợi nhuận dự kiến				
	Giá bán chưa thuế				
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
7	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Chi phí tài chính
5. Lợi nhuận dự kiến
6. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
7. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
8. Giá bán (đã có thuế)